

Số: 50 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai Thực hiện Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm Cơ sở bảo trợ xã hội và Cơ sở cai nghiện ma túy) bám sát với nội dung Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình, tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường để triển khai thực hiện quy hoạch, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các nguồn lực.

b) Công tác quy hoạch mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm từng bước đáp ứng tốt các nhu cầu cơ bản phục vụ chăm sóc, nuôi

đường các đối tượng là người yếu thế có hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác hỗ trợ phục hồi chức năng, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: Giáo dục, y tế, tiếp cận thông tin, trợ cấp xã hội, tạo điều kiện cho các đối tượng ổn định cuộc sống, từng bước vươn lên tái hòa nhập cộng đồng. Tích cực huy động sự tham gia của các cá nhân và cộng đồng trong việc tăng cường nguồn lực, tạo điều kiện thực hiện tốt các nội dung công tác quy hoạch.

c) Quy hoạch xây dựng các cơ sở cai nghiện ma túy nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu điều trị nghiện ma túy, góp phần rất lớn vào công tác đảm bảo an ninh trật tự - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; giảm tội phạm hình sự, giảm tỷ lệ nghiện mới. Tăng cường công tác phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ, nâng cao chất lượng công tác điều trị nghiện ma túy, tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh, đồng thời giúp cho người nghiện ma túy được tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn hoặc được hỗ trợ cai nghiện hiệu quả thông qua các chế độ, chính sách của Nhà nước.

2. Yêu cầu

Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy của Quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đồng thời bảo đảm tính kế thừa quy hoạch, mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy với các quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội khác đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tại các địa phương; đảm bảo tính khả thi, linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong triển khai thực hiện các dự án theo từng thời kỳ, phù hợp với bối cảnh và khả năng cân đối, bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai thực hiện Kế hoạch quy hoạch sau này.

Công tác thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh luôn phải đảm bảo theo đúng các cơ sở pháp lý quy định hiện hành; đồng thời luôn gắn với trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong suốt quá trình nhằm thực hiện đảm bảo đạt hiệu quả.

II. NỘI DUNG

1. Các nhiệm vụ, dự án triển khai thực hiện

a) Về dự án đầu tư công

- Ưu tiên tập trung để thực hiện các dự án xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị đồng bộ cho các cơ sở cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc quy hoạch 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Việc sử dụng vốn đầu tư công thực hiện các dự án đầu tư cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về Đầu tư công và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Danh mục các dự án đầu tư công là những dự án được xác định trên cơ sở Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực cơ sở trợ giúp xã hội tại Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023, Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024, Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trường hợp nếu cần điều chỉnh các dự án ưu tiên đầu tư trong kế hoạch này thì phải thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Về dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy theo Quy hoạch, tiêu chí, tiêu chuẩn quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy được tổ chức thành lập, hoạt động và phát triển thực hiện các mục tiêu xã hội hóa đảm bảo hiệu quả.

(Phụ lục I, II kèm theo Kế hoạch)

2. Quy hoạch sử dụng đất

a) Triển khai xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật; đảm bảo đúng Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo các Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023, Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024, Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ; việc sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

b) Bố trí quỹ đất phù hợp dành cho phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các địa phương chủ động, linh hoạt trong thực hiện chính sách đất đai và ưu tiên dành quỹ đất đầu tư, xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy theo Quy hoạch của kế hoạch này.

3. Xác định nguồn lực và kinh phí thực hiện Quy hoạch

a) Ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy công lập từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án liên quan khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

c) Khuyến khích và huy động các nguồn xã hội hóa; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập góp phần chung tay cùng nhà nước thực hiện tốt công tác an sinh xã hội tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Thu hút đầu tư phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội

a) Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thúc đẩy, huy động mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập theo phương thức đối tác công tư.

b) Huy động nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực trợ giúp xã hội, cai nghiện ma túy từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đẩy mạnh cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý, xây dựng, vận hành các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy; tăng cường hợp tác đào tạo phát triển quy hoạch nhân sự hoạt động công tác xã hội, về lĩnh vực trợ giúp xã hội.

b) Phát triển đội ngũ viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng; định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, đặc biệt là người làm công tác cai nghiện ma túy và hoàn thiện chính sách thu hút cán bộ, nhân viên vào làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở điều trị nghiện ma túy.

c) Xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

3. Phát triển khoa học, công nghệ

a) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trên các lĩnh vực trợ giúp xã hội, cai nghiện ma túy.

b) Tăng cường ứng dụng thực hiện chuyển đổi số, công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu để nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng phục vụ đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.

c) Đẩy mạnh liên kết các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở điều trị nghiện ma túy trong và ngoài tỉnh trong công tác trợ giúp xã hội về đào tạo nguồn nhân lực và chia sẻ kinh nghiệm; liên kết triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tại trung ương và địa phương; tăng cường phối kết hợp giữa các địa phương với nhau, giữa các vùng trong công tác quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương ngoài tỉnh về lĩnh vực trợ giúp xã hội và cai nghiện ma túy.

d) Mở rộng liên kết với các tổ chức, địa phương có hệ thống an sinh xã hội phát triển để học tập và trao đổi kinh nghiệm.

đ) Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xã hội hóa xây dựng, thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội của các nhóm đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội. Từng bước hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh bảo đảm cung cấp dịch vụ về trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia và tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.

5. Bảo vệ môi trường

Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy an toàn, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, phù hợp điều kiện địa lý tự nhiên, đảm bảo ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu theo đặc thù từng địa phương.

6. Đảm bảo nguồn lực tài chính

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo về thời hạn, tiến độ thực hiện.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy thông qua các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn lực hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Y tế

a) Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, công bố, cung cấp thông tin về Quy hoạch và lưu trữ hồ sơ Quy hoạch Cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách trung hạn, tập trung bố trí vốn hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp và Quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật liên quan; tham mưu UBND tỉnh thực hiện cơ chế chính sách, huy động nguồn lực tổ chức thực hiện Kế hoạch Quy hoạch này.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc sử dụng quỹ đất xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội tại các địa phương theo Quy hoạch đã được phê duyệt; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội theo đúng quy định; tổ chức kiểm tra giám sát, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Giao Công an tỉnh

a) Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách trung hạn, tập trung bố trí vốn hằng năm cho các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp và Quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật liên quan; tham mưu UBND tỉnh thực hiện cơ chế chính sách, huy động nguồn lực tổ chức thực hiện Kế hoạch Quy hoạch này.

b) Chủ trì, tổng hợp, công bố, cung cấp thông tin về Quy hoạch và lưu trữ hồ sơ Quy hoạch Cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) về kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc sử dụng quỹ đất xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy theo Quy hoạch đã được phê duyệt; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thành lập các cơ sở cai nghiện ma túy theo đúng quy định; tổ chức kiểm tra giám sát, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Giao Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp Sở Y tế, Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc bố trí quỹ đất dành cho phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội (cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy) đảm bảo đồng bộ theo các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn chủ đầu tư trong việc thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

5. Các sở, ngành, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp Sở Y tế, Công an tỉnh, địa phương bố trí nguồn lực, đề xuất các cơ chế chính

sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Định kỳ báo cáo, gửi Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; bố trí quỹ đất để phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển cơ sở trợ giúp xã hội theo Quy hoạch và Kế hoạch.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để đầu tư mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Y tế để tổng hợp) xem xét, điều chỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. /s/

Nơi nhận:

- Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Công an (báo cáo);
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục IV;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, THNC, KGVX.

(Tài)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn



Phụ lục I
CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐANG HOẠT ĐỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô chăm sóc (người)	Diện tích đất (m ²)	Loại hình
I. Các cơ sở điều trị nghiện ma túy					
1	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Đồng Nai	Áp Chà Rang, xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai	1.000	461.122	Công lập
2	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 tỉnh Đồng Nai	Áp 4, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	1.200	347.980	Công lập
3	Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 tỉnh Đồng Nai	Thôn 3, xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai	2.500	3.443.740	Công lập
4	Cơ sở cai nghiện ma túy số 4 tỉnh Đồng Nai	Thôn Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai	1.300	772.784	Công lập
5	Cơ sở cai nghiện ma túy số 5 tỉnh Đồng Nai	Thôn 1, xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai	1.500	646.720	Công lập
6	Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 tỉnh Đồng Nai	Thôn 1, xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai	1.500	1.746.770	Công lập
7	Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 tỉnh Đồng Nai	Tổ 7, ấp Minh Lập 5, xã Nha Bích, tỉnh Đồng Nai	1.800	100.000	Công lập
8	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Định Quán	Khu phố Hiệp Tâm, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	16	500	Công lập
9	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Xuân Lộc	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Hưng, ấp 4, xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai	10	700	Công lập
10	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Nhơn Trạch	Hương lộ 13, đường Tôn Đức Thắng, ấp Xóm Hổ, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	30	2.100	Công lập
11	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Vĩnh Cửu	Số nhà 86, Phan Chu Trinh, khu phố 8, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai	12	100	Công lập

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô chăm sóc (người)	Diện tích đất (m ²)	Loại hình
12	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Thống Nhất	Trung tâm Y tế khu vực Thống Nhất, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	15	200	Công lập
13	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Cẩm Mỹ	Khu phố Suối Râm, xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	10	600	Công lập
14	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng Long Thành	Đường Nguyễn Hữu Cánh, khu Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	15	122	Công lập
15	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Trảng Bom	Ấp Tân Hưng, xã An Viễn, tỉnh Đồng Nai	10	150	Công lập
16	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huyện Tân Phú	tổ 5, khu 9, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	10	1000	Công lập
17	Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng thành phố Biên Hòa	Trạm Y tế phường Tam Hiệp - Hẻm 30/20, Kp 6, đường Đặng Đức Thuật, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	10	200	Công lập
II. Cơ sở trợ giúp xã hội					
1	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai	Kp5, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	500	110.000	Công lập
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước	Khu phố Phước Thịnh, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	72	42.290,1	Công lập
3	Trung tâm Nhân đạo Làng Tre	Ấp Cầu khi khô, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai	200	45.000	Ngoài công lập
4	Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ em giáo xứ Hà Nội	145/2, KP8A, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai	50	2.808	Ngoài công lập
	Cơ sở nuôi dưỡng đôi	Ấp Tân Cang, phường Phước Tân, tỉnh Đồng	100	5.000	Ngoài công

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô chăm sóc (người)	Diện tích đất (m2)	Loại hình
5	tượng xã hội Điều Pháp	Nai			lập
6	Cơ sở BTXH Cô nhi Thiên Bình	138/4, ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Đồng Nai	300	48.200	Ngoài công lập
7	Cơ sở BTXH Dưỡng lão tình thương Suối Tiên	528/4, ấp Suối Tiên, xã Bàu Hàm, tỉnh Đồng Nai	120	20.000	Ngoài công lập
8	Cơ sở BTXH Hòa Xuân	Giáo xứ Lai Ổn, 79/1, ấp Lộ Đức, phường long Bình, tỉnh Đồng Nai	20	1.000	Ngoài công lập
9	Cơ sở BTXH Nhân Ái Bạch Lâm	Ấp Bạch Lâm 1, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	200	25.000	Ngoài công lập
10	Cơ sở Trợ giúp xã hội Hòa Hảo	Ấp Rạch Bảy, Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	70	12.552	Ngoài công lập
11	Cơ sở bảo trợ xã hội Mái ấm tình thương Phúc lâm	16A1, ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	100	5.219	Ngoài công lập
12	Cơ sở bảo trợ xã hội Mái ấm tình thương tu viện An Lạc Hạnh	Ấp 5, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai	50	3.000	Ngoài công lập
13	Cơ sở bảo trợ xã hội Mái ấm Phan Sinh	Thôn Tây Lạc, ấp An Chu, xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai	250	3.500	Ngoài công lập
14	Cơ sở BTXH Dân lập tự nguyện Hoa Sen Trắng	91/3, ấp Hòa Thuận, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	50	25.000	Ngoài công lập
15	Cơ sở bảo trợ xã hội Cô nhi Xuân Tâm	Ấp 1, xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai	70	3.164	Ngoài công lập
16	Viện dưỡng lão Nam An Garden	Đường Lê Hồng Phong, khu phố Nông Doanh, Phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai	38	13.755,1	Ngoài công lập

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô chăm sóc (người)	Diện tích đất (m2)	Loại hình
17	Mái ấm Minh Trần	Đường Nguyễn Huệ, Tổ 1, Khu phố 6, Phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	46	5097,0	Ngoài công lập
18	Cơ sở Nhân Ái	khu phố 3, Phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	08	4.974,2	Ngoài công lập
19	Phi Nhung vòng tay dưỡng tử	xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai	15	2007	Ngoài công lập
20	Mái ấm An Vũ	ấp 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai	37	1.454,1	Ngoài công lập
21	Cơ sở Mai Hoa	Phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	03	119.257,2	Ngoài công lập



Phụ lục II

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô chăm sóc dự kiến (người)	Diện tích đất dự kiến (ha)	Loại hình
I. Các cơ sở điều trị nghiện ma túy					
1	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	Tân Phú	300	3,6	Ngoài công lập
2	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	Trị An	300	3,6	Ngoài công lập
3	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	An Viễn	300	3,6	Ngoài công lập
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	Tam Hiệp	300	2,4	Ngoài công lập
5	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	Xuân Hòa	300	3,6	Ngoài công lập
6	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 (nếu có xây mới, sửa chữa, mở rộng thì thực hiện theo đề án riêng)	Xuân Phú			Công lập
II. Cơ sở trợ giúp xã hội					
1	Các loại hình Cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp (cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc trẻ em; cơ sở chăm sóc người khuyết tật...)	Dự kiến thành lập mới 20 cơ sở trên địa bàn 95 xã, phường của tỉnh (khi có đề nghị)	100 người/cơ sở	1,0 (tối thiểu)	Ngoài công lập
2	- Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đồng Nai; - Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước; (nếu có xây mới, sửa chữa, mở rộng thì thực hiện theo đề án riêng)	- Phường Tam Hiệp - Xã Lộc Ninh			Công lập

Ghi chú: tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.